

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT

Ngày 25/01/2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1973, và bà Phạm Thị P, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H1, địa chỉ: Thôn 6, xã Nâm N’Jang, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của Nguyễn Viết N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 trình bày:

Ngày 24/02/2018 cho ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P vay theo giấy xác nhận nợ (chốt nợ) với số tiền 650.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 05/01/2016 ông N và bà P còn nợ là 400.000.000 đồng, ngày 05/01/2017 trả số tiền là 150.000.000 đồng. Còn nợ lại 250.000.000 đồng.

- Ngày 20/3/2017 vay thêm 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/ tháng.
- Ngày 18/4/2017 mượn 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng.
- Ngày 15/9/2017 bà P mượn thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 3% / tháng.

Tổng cộng các khoản trên là **410.000.000 đồng**.

Số tiền gốc này từ đầu năm 2017 đến cuối năm 2018 bà Lê Thị H1 tính lãi suất của từng khoản vay trên với tổng số tiền lãi là **126.120.000 đồng**.

- Đến ngày 11/10/2017 bà P, ông N vay nóng 50.000.000 đồng;
- Ngày 25/10/2017 bà P, ông N vay 2.000.000 đồng.
- Ngày 26/10/2017 bà P, ông N vay 40.000.000 đồng.
- Ngày 07/11/2017 bà P, ông N vay 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc các đợt vay trên tổng cộng là **512.000.000 đồng**.

Đến cuối năm 2017 bà P và ông N không trả nên các bên thỏa thuận cộng gốc và lãi theo giấy xác nhận nợ là 650.000.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 512.000.000 đồng + 126.120.000 đồng + 11.880.000 đồng tiền mượn thêm). Tại giấy ông N và bà P ký không thể hiện thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, cùng ngày 24/02/2018 bà P sang cộng sổ **chốt nợ 650.000.000 đồng** thì bà P có hẹn trả vào mùa tiêu năm 2018 (là tương đương tháng 02/2019). Đến hạn trả nợ bà P và ông N có trả cho vợ chồng ông H số tiền là **167.500.000 đồng**, trong đó tiền gốc trả 02 lần là 100.000.000 đồng vào tháng 7 năm 2021, tiền lãi ngày 27/02/2019 trả 67.500.000 đồng (số tiền lãi này là bà P cân tiêu trả nợ lãi (số tiền và cân tiêu được chị P cung cấp tại giấy note màu vàng cho Tòa án trước đây); ngoài ra không trả khoản nào khác.

Đối với các lời khai, giấy note màu vàng bà P cung cấp cho Tòa án trong vụ án trước đây mà hiện nay Tòa án pho tô (Sao y) lưu trong hồ sơ do bà H1 ghi gồm: Ngày 24/02/2018: số tiền 650.000.000 đồng; lãi đến ngày 24/02/2019 là 195.000.000 đồng; ngày 27/02/2018: vay 20 triệu; ngày 27/02/2019 lãi của 20 triệu là 6.000.000 đồng; tổng cộng là 201.000.000 đồng, mượn nội là 20.000.000 triệu, mượn cháu Anh là 10.000.000 đồng, tổng là 231.000.000 ký P, giấy này là bà H1 ghi số tiền gốc, lãi để bà P có căn cứ trả nợ, không pH số tiền này là bà P trả nợ như bà P khai, vì trong giấy này không có chữ nào thể hiện là bà P trả tiền. Còn giấy note vàng thể hiện tích kê số lượng tiêu bà P cân bán ngày 27/02/2019 tổng 1577,6 kg x 45,3 đồng/ 01 kg = 71.460.000 đồng thì bà H1 đã thể hiện trừ lãi với số tiền là 67.500.000 đồng vào ngày 27/02/2019.

Căn cứ lời trình bày trên, hạn trả toàn bộ số nợ vào tháng 02/2019 nhưng đến hạn bà P và ông N trả được một phần tiền lãi, tháng 7 năm 2021 trả được thêm một phần gốc, số còn lại hẹn trả nhưng không trả, nay ý kiến vợ chồng ông H bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền gốc còn lại là 423.880.000 đồng, về lãi suất chậm trả trên nợ gốc yêu cầu tính theo quy định của pháp luật là 0,83%/ tháng/ số tiền gốc/ thời hạn chậm trả đến ngày xét xử theo quy định. Đối với số tiền 126.120.000 đồng được cộng vào gốc tại giấy xác nhận nợ ngày 24/02/2018 thì yêu cầu Tòa án xem xét tính lại lãi theo quy định của pháp luật là không quá 20%/ năm (tức là 1,66%/ tháng).

Bị đơn ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P trình bày: Ông N và bà P khai

nguồn gốc số nợ là vào năm 2008 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Hằng năm vẫn trả tiền lãi đầy đủ, đến năm 2018 các bên xác nhận lại số tiền cả gốc và lãi là 650.000.000 đồng, sau đó đến năm 2019 bà P và ông N có trả số tiền lãi 67.500.000 đồng; năm 2021 trả số tiền 100.000.000 đồng. Đối với số tiền trả hằng năm trước năm 2018 thì bà P không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Ông N, bà P thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 24/02/2018 là của ông bà; tuy nhiên ông bà chỉ ký nhưng không nhận tiền, số tiền nợ trước đây đã trả hết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án số: 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H.

1. Buộc ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P phải trả cho ông Lê Hoàng H và bà Lê Thị H1 tổng số tiền gốc và lãi là 585.125.500 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 423.880.000 đồng, tiền lãi là 161.245.500 đồng, thời hạn tính lãi chậm trả tính đến ngày xét xử (ngày 25/9/2023).”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2023 ông Nguyễn Viết N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX bác kháng cáo.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Có nợ khoản tiền như nguyên đơn đã trình bày nhưng đã trả hết; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các giấy tờ đã gạch chéo không có giá trị pháp lý để buộc vợ chồng ông PH trả tiền là không đúng; không có căn cứ chứng minh việc ông H, bà H1 đưa tiền cho ông, bà vay; Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà trả lãi chậm trả 20%/năm là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Việt N, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Việt N nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2023 bà Phạm Thị P có đơn kháng cáo (sửa đổi, bổ sung), tuy nhiên đã quá hạn và qua làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà P đã rút lại đơn kháng cáo này. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đối với kháng cáo của bà là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Theo tờ giấy kê ô ly đề ngày 24/2/2023 do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung “*Vợ chồng P N mượn 650.000.000 đồng chẵn*”, giấy có chữ ký của ông Nguyễn Việt N. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc số nợ ông H cho bà P và ông N vay làm nhiều đợt, được thể hiện tại các chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Đến ngày 24/02/2018, hai bên chốt lại số tiền nợ 650.000.000 đồng (bút lục 57). Quá trình thực hiện việc trả nợ, bà P và ông N trả cho ông H 01 lần tiền lãi là 67.500.000 đồng và khoảng tháng 7 năm 2021 trả 02 lần số tiền gốc 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, số tiền gốc còn lại là 482.500.000 đồng (Nguyên đơn có sự tính toán nhầm lẫn nên chỉ yêu cầu trả số tiền 462.500.000 đồng nhưng do nguyên đơn không kháng cáo và có lợi cho bị đơn nên tại cấp phúc thẩm không xem xét). Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa các bên đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Đến hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bị đơn không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H và bà Lê Thị H1 về việc buộc ông Nguyễn Việt N và bà Phạm Thị P PH trả số tiền gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 423.880.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2]. Bị đơn thừa nhận có việc ký nhận vào giấy vay tiền nhưng không nhận số tiền 650.000.000 đồng và giấy vay tiền không có chữ ký của người cho vay. Hơn nữa việc vay mượn từ những năm trước đó nhưng đã trả và đã gạch số đối với các khoản vay đó. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả số tiền trên. Bị đơn có cung cấp các giấy thể hiện việc liệt kê các số tiền và phía bị đơn cho rằng là tài liệu thể hiện số tiền đã trả nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận. Nội dung giấy liệt kê không thể hiện việc trả tiền cho nhau. Việc bên cho vay có ký vào giấy cho vay hay không cũng không cần thiết vì giấy vay này đã được bên vay là bên có nghĩa vụ ký và thừa nhận. Hơn nữa, Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022 bà P cho rằng có vay ông H số tiền 650.000.000 đồng, đã trả được số tiền 167.500.000 đồng, số tiền còn lại bà P xin được trả dần hằng năm, mỗi năm trả 50.000.000 đồng

cho đến khi thanh toán xong hết nợ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn sau đó đã thay đổi lời khai cho rằng đã trả hết nhưng không lấy lại giấy nhận nợ và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của phía bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. *Về lãi suất: Bị đơn cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất 20%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo giấy nhận nợ ngày 24/02/2018 (do nguyên đơn cung cấp) thể hiện số tiền vay, thời hạn trả nhưng không thể hiện lãi suất. Theo các giấy vay mượn của các lần trước đó đều thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất từ 2,5% - 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông H chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/1 tháng là phù hợp và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 161.245.500 đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Xét thấy kháng cáo của bị đơn về phần lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy ông Nguyễn Viết N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Viết N pH chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Viết N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản Điều 117, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H đối với ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P.

1. Buộc ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P phải trả cho ông Lê Hoàng H và bà Lê Thị H1 tổng số tiền 585.125.500 đồng (*Năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm hai*

mười lăm nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 423.880.000 đồng, tiền lãi là 161.245.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Nguyễn Viết N và bà Phạm Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.405.020 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả ông Lê Hoàng H số tiền 15.310.000 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm mười nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0001985 ngày 11 tháng 4 năm 2023.

2.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Nguyễn Viết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001368 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu